| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LÂM ĐỒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: **58**/2020/HS-PT
Ngày: 16-7-2020

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Duy Hoài

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Văn Bỉnh

Bà Lê Thị Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Hương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Trần Hữu Du và ông Nguyễn Anh Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 46/2020/TLPT-HS ngày 26/3/2020 đối với bị cáo Trần Công Th, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 31/2019/HS-ST ngày 11/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị cáo kháng cáo:*

**Trần Công Th**, sinh năm 1973, tại tỉnh Ninh Thuận; nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn TrT, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Biết đọc, biết viết; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; con ông Trần Hôn S, sinh năm 1935 và bà Ừng Nhục M, sinh năm 1951; vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/3/2015 đến ngày 11/6/2015 thì được tại ngoại. Ngày 21/02/2017 tiếp tục bị bắt tạm giam đến ngày 10/3/2017 và được thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Dương Đình N, Văn phòng luật sư Dương Đình N – Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị Châu M; sinh năm 1974; nơi cư trú: tổ 5, ấp 7, xã STr, huyện TrB, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Luật sư Lê Cao T – Văn phòng luật sư BT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975*;* nơi cư trú: thôn TrT, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Trần Mộng T1; sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp 7, xã STr, huyện TrB, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

2. Chị Trần Cẩm L1; sinh năm 1999; nơi cư trú: thôn TrT, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3. Ông K'K; sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn LT, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

4. Ông Ngọ Văn H; sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn TrT, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

5. Ông Đinh Bạt Đ; sinh năm 1965; nơi cư trú: thôn TrT, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

6. Ông Triệu Văn Th; sinh năm 1986; nơi cư trú: thôn TrT, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

7. Ông Lưu Văn M; sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn TrT, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

8. Bà Đặng Thị Đ1; sinh năm 1963; nơi cư trú: thôn TrT, xã ĐK, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ việc vợ chồng ông Trần Nhật D, bà Lê Thị Châu M cho vợ chồng Trần Công Th, Nguyễn Thị L vay tiền nhưng các bên không thống nhất với nhau về việc trả nợ vay nên ngày 02/11/2014 bà M cùng con gái là Trần Mộng T1 đến nhà Th cân cà phê trừ nợ, Th đồng ý và bà M cân được 189kg cà phê, lúc này bà M vẫn đi lại và hoạt động bình thường, bị cáo Th còn là người trực tiếp khiêng cà phê lên cân cho bà M.

Đến chiều ngày 03/11/2014 bà M và con gái T1 lại tiếp tục đến nhà Th để cân cà phê trừ nợ. Khi đi, bà M điều khiển xe máy chở T1 và mang theo 01 ổ khóa, mục đích khóa cổng nhà Th để Th không chở cà phê đi bán. Quá trình đòi nợ, bà M thể hiện sự quá đáng trong cư xử nên Th và vợ bức xúc. Do Th không Đ ý cho bà M tiếp tục cân cà phê nên hai bên xảy ra cãi vã, to tiếng. Lúc này, Th gọi hàng xóm xung quanh và trưởng thôn là ông Ngọ Văn H đến để giải quyết.

Tại nhà Th, ông H lập biên bản và nói bà M đòi nợ theo kiểu "xã hội đen". Bà M không Đ ý, nói ông H không có thẩm quyền giải quyết nên ông H đã xé bỏ biên bản rồi cùng mọi người đi ra ngoài, trong nhà chỉ còn lại bà M ngồi trên ghế dài, sát cửa hông, tư thế khoanh hai chân trên ghế, hai tay đút vào túi áo khoác, T1 ngồi phía bên trong xem tivi. Th cùng với vợ đi ra quán trước nhà, ông Đ, ông H, bà N1, bà Đ1 đều đứng phía ngoài cổng và nói chuyện.

Trong lúc nói chuyện, ông Đ có nói: *"Giờ mời không về thì chỉ còn cách kéo ra rồi đóng cổng lại"*. Nghe ông Đ nói vậy, Th và bà L đi vào nhà. Vào trong nhà, Th đứng ở vị trí bên trái cửa chính, nhìn từ ngoài vào, bà L đi theo cửa hông đứng phía sau bà M. Vợ chồng Th yêu cầu bà M đi về nhưng bà M vẫn ngồi trên ghế và to tiếng nói lại. Bà L tiến đến túm tóc bà M, giật ra phía sau, bà M bỏ chân trái xuống, đồng thời quay lại cào cấu bà L. Lúc này Th đi lại, hai tay nắm cổ áo bà M rồi dùng chân đạp vào bụng dưới bà M, làm bà M ngồi bệt mông xuống nền nhà, giữa bàn uống nước và ghế dài. Th tiếp tục tiến lại, chân trái đứng sát bàn uống nước, chân phải đứng giữa hai chân bà M. Th dùng hai tay túm tóc và dìm đầu bà M xuống nền nhà. Bà M liên tục chống cự và dùng tay cào cấu lại. Khi bà M co chân trái lại lấy thế đứng lên thì Th dùng chân phải đạp vào đầu gối bà M, hai bên liên tục giằng co nhau. Sau đó, Th đứng qua bên phải bà M, bà L leo lên ghế dài bên trái bà M để kéo bà M ra ngoài, bà M chống cự lại và ngồi lết dưới nền nhà. Khi Th và bà L kéo bà M ra gần cửa chính thì T1 lao vào giằng co, kéo bà L ra. Lúc này Th xốc hai tay vào hai bên nách bà M, quay lưng bà M ra đường, mặt hướng vào nhà. Sau đó Th kẹp bên tay trái, bà L kẹp bên tay phải, kéo bà M ra cổng. Quá trình kéo bà M từ trong nhà ra cổng, bà M liên tục giằng co, ghì người xuống, có lúc mông chạm đất, hai chân duỗi thẳng đồng thời cào cấu lại Th và Lắm. Khi ra đến đống đá trước cổng, bà L bỏ ra nhưng bà M vẫn cào cấu, giằng co. Lúc này, bà Võ Thị N1 đứng gần đó đi lại gỡ bà M và bà L ra, bà L đi qua quán vào nhà, Th cũng bỏ bà M ra, đi đường cổng chính vào nhà. Bà M đứng dậy, nhặt đá ném theo bà L rồi đi theo Th vào trong hiên nhà. Khi vào đến hiên nhà, bà M lấy ổ khóa trong người ném trúng ngực bà L, bà L bắt được ổ khóa. Ngay sau khi ném ổ khóa về phía bà L, bà M ngồi xuống hiên nhà và nói với cô T1 là bị đánh gãy chân, rồi gọi điện cho chồng là ông Trần Nhật D đến. Quá trình đi từ cổng vào hiên nhà, bà M không bị ngã hay có va chạm nào khác vào vùng đầu gối, điều này đã được những người làm chứng xác nhận. Bà M ngồi ở hiên nhà cho đến khi Công an xã Đạ K'Nàng đến. Sau đó, được ông K'Kr là Phó Công an xã cõng ra xe và chở đến Phòng khám quân dân y xã PhL cấp cứu. Từ đây bà M được chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng rồi chuyển xuống Bệnh viện chấn thương chỉnh

hình Thành phố Hồ Chí Minh (BL 30-32, 39-41, 50-55, 58-61, 75, 87, 89, 97-101, 119-136, 147-182, 270-279). Quá trình bà M điều trị vết thương đầu gối trái là liên tục, chân trái nẹp cố định. Trong quá trình điều tra, cơ quan chức năng đã thu giữ 01 ổ khóa màu bạc; 01 cục đá kích thước 5x7cm, màu xanh (BL 33).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện ĐR đã tiến hành trưng cầu giám định tỷ lệ thương tật đối với bà Lê Thị Châu M cụ thể như sau:

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 01 ngày 14/01/2015 của TrT pháp y - Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng kết luận: Bà Lê Thị Châu M bị đứt dây chằng chéo trước gối trái đã phẫu thuật, di chứng hạn chế động tác gối trái; Rách sụn chêm ngoài; Vỡ sụn lồi cầu trong gối trái; Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 35% (BL 39, 40).

Tại bản kết luận giám định lại lần 2 số: 81/16/TgT ngày 15/8/2016 của Viện pháp y quốc gia phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận bà Lê Thị Châu M bị đứt hoàn toàn dây chằng chéo trước đã được phẫu thuật tái tạo dây chằng; Vỡ lồi cầu xương đùi gây hạn chế tác động khớp gối mức độ nhẹ; Rách sụn chêm gối trái đã được phẫu thuật. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 35% (BL 392-395).

Tại bản kết luận giám định bổ sung số: 57/17/TgT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Viện pháp y quốc gia phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Bà Lê Thị Châu M bị chấn thương gối trái đứt dây chằng chéo trước gối trái, rách sụn chêm ngoài, vỡ sụn cầu lồi trong gối trái là do tác động ngoài lực gây ra.

Tại bản cáo trạng số 19/THQCT-VKS ngày 01/8/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐR đã truy tố bị cáo Trần Công Th về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại bản án số 31/2019/HSST ngày 11/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Công Th phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 2 Điều 134; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Công Th 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án. Được trừ vào 109 ngày đã tạm giam trước đó.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Trần Công Th phải bồi thường cho Lê Thị Châu M số tiền là 89.649.000đ.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) tại tài khoản tạm giữ số 3949.0.1048910.00000 của Chi cục thi hành án huyện ĐR mà bị cáo Trần Công Th đã nộp để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên tiêu hủy 01 ổ khóa màu bạc; 01 cục đá màu xanh kích thước 5cm x 7cm.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Công Th phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.482.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 23/12/2019 bị cáo Trần Công Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận bị cáo không đạp bà M nên bị cáo không phạm tội như bản án sơ thẩm đã kết tội bị cáo. Bị hại Lê Thị Châu M đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo tranh luận không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng và cho rằng mình không phạm tội.

Luật sư Nam bào chữa cho bị cáo: Có vi phạm thủ tục tố tụng vì Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm là vợ của Kiểm sát viên trong phiên tòa trước nên không khách quan. Chứng cứ buộc tội bị cáo là không có cơ sở hợp lý. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Luật sư T: Cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng vì luật không quy định, không đồng ý hủy án như luật sư Nam đề nghị. Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại phiên tòa, có căn cứ xác định: Chiều ngày 03/11/2014 bà Lê Thị Châu M và con gái Trần Mộng T1 đến nhà Trần Công Th để cân cà phê trừ nợ, do bà M cư xử quá đáng nên hai bên xảy ra cãi vã, to tiếng. Trong khi xảy ra cãi vã với nhau, Trần Công Th dùng hai tay nắm cổ áo bà M rồi dùng

chân đạp vào bụng dưới bà M, làm bà M ngồi bệt mông xuống nền nhà, giữa bàn uống nước và ghế dài. Th tiếp tục tiến lại, chân trái đứng sát bàn uống nước, chân phải đứng giữa hai chân bà M. Th dùng hai tay túm tóc và dìm đầu bà M xuống nền nhà. Bà M liên tục chống cự và dùng tay cào cấu lại. Khi bà M co chân trái lại lấy thế đứng lên thì Th dùng chân phải đạp vào đầu gối bà M, hai bên liên tục giằng co nhau. Sau đó, hai bên tiếp tục tranh cãi, ẩu đả rồi bà M được chuyển lên Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng rồi chuyển xuống Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh để điều trị.

Hậu quả: Tại bản kết luận giám định số 81/16/TgT ngày 15/8/2016 của Viện pháp y quốc gia phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận bà Lê Thị Châu M bị đứt hoàn toàn dây chằng chéo trước đã được phẫu thuật tái tạo dây chằng; Vỡ lồi cầu xương đùi gây hạn chế tác động khớp gối mức độ nhẹ; Rách sụn chêm gối trái đã được phẫu thuật. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 35%, đây là hậu quả nghiêm trọng.

Xét lời khai của bị cáo, bị hại, người liên quan, người làm chứng phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Công Th phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Công Th thì thấy rằng: Các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ đã đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Trần Công Th là người dùng hai tay nắm cổ áo rồi dùng chân đạp vào bụng dưới bà M, làm bà M ngồi bệt mông xuống nền nhà, giữa bàn uống nước và ghế dài. Sau đó, Trần Công Th tiếp tục tiến lại, chân trái đứng sát bàn uống nước, chân phải đứng giữa hai chân bà M, Th dùng hai tay túm tóc và dìm đầu bà M xuống nền nhà. Bà M liên tục chống cự và dùng tay cào cấu lại. Khi bà M co chân trái lại lấy thế đứng lên thì Th dùng chân phải đạp vào đầu gối bà M, như lời khai của bà M là có căn cứ.

Ngoài việc giằng co với bị cáo Th và bà L thì bà M không hề có sự xô xát với người nào khác, ngoài ra không ai tác động lên cơ thể của bà M, bà M cũng không bị té ngã. Từ khi bị chấn thương, bà M đã được điều trị liên tục từ lúc khám tại Phòng khám quân dân y xã PhL, chuyển nhập viện từ ngày 04/11/2014 tại Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng và chuyển viện đến Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh. Theo công văn số 1041/CV-BVCTCH ngày 14/6/2019 của Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Thành phố Hồ Chí Minh (BL665) đã xác định việc cho bà M về nhà uống thuốc sau 20 ngày là theo sự chỉ định của bác sĩ; điều này phù hợp cho bệnh nhân nội soi tái tạo dây chằng, để giảm sưng, viêm và phù nề sau chấn thương.

Người làm chứng ông K'K là người nhìn thấy bà M bị đau ở đầu gối trái, không thể đứng dậy đi lại được, ông K'K cũng là người chở bà M đến trạm y tế xã PhL để điều trị.

Đối với lời khai của Đinh Bạt Đ, Ngọ Văn H, Triệu Văn Th đều khai có thấy bị cáo Th và bà L kéo bà M từ trong nhà của Th ra ngoài nhưng không chứng kiến việc Trần Công Th có dùng chân phải đạp vào đầu gối của bà M hay không. Nhưng các lời khai của người làm chứng thể hiện lúc có, lúc không có việc bà M bị té ngã. Vì vậy lời khai của những người làm chứng cũng không có căn cứ gỡ tội cho bị cáo.

Lời khai của bà Nguyễn Thị L là vợ của bị cáo Trần Công Th, lời khai của bà Đặng Thị Đ1 cũng xác định bà M không bị té ngã mà chỉ sau khi ném bà L, bà M mới khụy xuống ngay bậc thềm. Mặt khác, tại biên bản xác minh hiện trường ngày 05/02/2015 (BL31) có những người tham gia là Trần Công Th, Nguyễn Thị L, Lê Thị Châu M, Trần Mộng T1, Trần Nhật D, Đinh Bạt Đ và Võ Thị Nam mà không có Triệu Văn Th. Như vậy lời khai của Triệu Văn Th cho rằng chứng kiến việc ông Th và bà L kéo bà M từ trong nhà của Th ra ngoài nhưng không thấy ông Trần Công Th có dùng chân phải đạp vào đầu gối của bà M là không có căn cứ.

Tại bản kết luận giám định bổ sung số: 57/17/TgT ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Viện pháp y quốc gia phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Bà Lê Thị Châu M bị chấn thương gối trái đứt dây chằng chéo trước gối trái, rách sụn chêm ngoài, vỡ sụn cầu lồi trong gối trái là do tác động ngoài lực gây ra. Như vậy, vết thương của bị hại Lê Thị Châu M do một mình bị cáo Trần Công Th gây nên, ngoài ra không có ai khác cùng tham gia.

Xét lời khai của bị hại, người liên quan và các người làm chứng phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản xác định hiện trường, kết luận giám định thương tích; phù hợp về thời gian, không gian, địa điểm xảy ra vụ án, phù hợp với cơ chế hình thành vết thương; có đủ căn cứ xác định thương tích của bị hại Lê Thị Châu M do bị cáo Trần Công Th gây ra. Các chứng cứ có mâu thuẫn như Bản án phúc thẩm số 87/HSPT, ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng cũng được khắc phục. Vì vậy kháng cáo kêu oan của bị cáo không có cơ sở để xem xét.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị hại cũng có một phần lỗi nhưng khi quyết định hình phạt lại không áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót.

Đối với Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, cho rằng có vi phạm tố tụng, vì Chủ tọa phiên tòa sơ thẩm là vợ của Kiểm sát viên trong

phiên tòa sơ thẩm trước đó. Vấn đề này đã được giải quyết trong giai đoạn sơ thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm tố tụng theo Điều 53 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các vấn đề khác cũng đã được phân tích nêu trên nên lời đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo là không có cơ sở để xem xét.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Công Th phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Công Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Công Th phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 2 Điều 134; Điều 38; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Công Th 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án. Được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2015 đến ngày 11/6/2015 và từ ngày 21/02/2017 đến ngày 10/3/2017 vào thời gian chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Trần Công Th phải bồi thường cho Lê Thị Châu M số tiền là 89.649.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành chưa thanh toán hết số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Tiếp tục tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tại tài khoản tạm giữ số 3949.0.1048910.00000 của Chi cục thi hành án huyện ĐR mà bị cáo Trần Công Th đã nộp để đảm bảo cho việc thi hành án dân sự.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuyên tiêu hủy 01 ổ khóa màu bạc; 01 cục đá màu xanh kích thước 5cm x 7cm.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Công Th phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm và 4.482.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GĐKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV27- CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện ĐR (02);
- VKSND huyện ĐR (01);
- Cơ quan CSĐT CA ĐR (01);
- Cơ quan THAHS CA ĐR (01);
- Cơ quan THADS huyện ĐR (01);
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Người liên quan (01);
- Luật sư (02);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Duy Hoài**